

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- VĨNH LONG
Bản án số: 76 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

“ *V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Phạm Thị Kim Lan**

2- Bà **Phạm Thu Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mai Đình** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ám** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 554/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88 /2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1978; Nơi thường trú: Thôn H, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nơi cư trú hiện nay: Nhà trọ M, phòng trọ 4b, ấp P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

-Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Chí H1, sinh năm: 1981 ;Địa chỉ: số nhà E C, khu phố P, phường P, tỉnh Vĩnh Long

Ông H, bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà H1 do quen biết rồi tự nguyện kết hôn vào năm 2002. Ông và bà H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, tỉnh Gia Lai (cũ), và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/10/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được nhiều năm. Đến năm 2017 cuộc sống vợ chồng ông bà xảy ra nhiều bất ổn, công việc làm ăn của hai vợ chồng không được thuận lợi, kinh tế khó khăn dần. Vợ chồng ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm về cách sinh hoạt, quan điểm sống, quan hệ vợ chồng từ đó dần trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng bắt đầu đi xuống nên ông và bà H1 sống ly thân đến nay đã 8 năm. Ông ở riêng tại nhà trọ đã 4 năm. Trong thời gian ly thân thì hai vợ chồng ông bà không có gặp nhau, không liên lạc gì với nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. thỉnh thoảng nhà ngoại có công việc gia đình thì ông có về nhà ngoại và gặp bà H1 ở đây nhưng vợ chồng ông bà không nói chuyện, không hàn gắn gì được với nhau. Ông H nhận thấy cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H1

Con chung: gồm có 03 con là Nguyễn Thị Mỹ Q sinh ngày 02/5/20003, Nguyễn Thị Như T sinh ngày 23/10/2008 và Nguyễn Thị Anh T1 sinh ngày 20/5/2012. Hiện tại 03 con đều đang ở cùng mẹ. Con chung Mỹ Q đã trưởng thành ông H không yêu cầu Tòa án xem xét. Các con chung vẫn tới lui thăm cha và mẹ bình thường. Sau khi ly hôn, ông H đồng ý tiếp tục giao hai con là Nguyễn Thị Như T và Nguyễn Thị Anh T1 cho bà H1 nuôi dưỡng. Cháu T đã đi làm có thu nhập nên ông H đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng là 2.440.000 đồng /tháng, cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H khai không có.

Do bận làm công ty nên ông H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, bà H1 trình bày:

Bà và ông H là vợ chồng hợp pháp. Ông bà kết hôn năm 2002. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên ông bà đã sống ly thân cách đây hơn 10 năm, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay ông H yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung Nguyễn Thị Mỹ Q sinh ngày 02/5/20003, Nguyễn Thị Như T sinh ngày 23/10/2008 và Nguyễn Thị Anh T1 sinh ngày

20/5/2012. Khi ly hôn bà H1 đồng ý nuôi 02 con là cháu T và cháu T1 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Cháu Q đã trưởng thành bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì.

Bà và ông H không có tài sản chung, nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà H1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị H1. Về con chung: có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ Q sinh ngày 02/5/20003, Nguyễn Thị Như T sinh ngày 23/10/2008 và Nguyễn Thị Anh T1 sinh ngày 20/5/2012. Cháu Q đã trưởng thành ông H và bà H1 không yêu cầu giải quyết. Giao 02 con chung là cháu T và cháu T1 cho bà H1 tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận bà H1 không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cháu T1 mỗi tháng là 2.440.000 đồng cho đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Ông H nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà H1 hiện đang sinh sống tại phường P, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long.

[1.3] Bà H1 và ông H có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H và bà H1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông H và bà H1 tự nguyện kết hôn vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/10/2002 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông H cho rằng vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà H1.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng ông H và bà H1 hàn gắn tình cảm nhưng bà H1 và ông H đều có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và có ý kiến thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra, thời gian sống ly thân đến nay đã nhiều năm. Ông H và bà H1 đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau.

Qua đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H, bà H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của ông H với bà H1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận ông H, bà H1 không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

[2.2] Về con chung: Ông H và bà H1 đều thống nhất trình bày ông bà có 03 con chung Nguyễn Thị Mỹ Q sinh ngày 02/5/20003, Nguyễn Thị Như T sinh ngày 23/10/2008 và Nguyễn Thị Anh Thu S ngày 20/5/2012. Con chung Mỹ Q đã trưởng thành, bà H1 ông H không yêu cầu giải quyết nên tòa án không xem xét. Ông H tự nguyện giao 02 con (T1 và T) cho bà H1 nuôi con, bà H1 cũng đồng ý nuôi các con. Hai cháu T1 và T cũng có nguyện vọng ở với bà H1 vì vậy Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Thị Như T và Nguyễn Thị Anh T1 cho bà H1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận bà H1 không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Anh T1 mỗi tháng 2.440.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: ông H và bà H1 đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Ông H có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng); án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

[3] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Chí H1.

Quan hệ hôn nhân của ông H và bà H1 chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận ông H, bà H1 không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Như T sinh ngày 23/10/2008 và Nguyễn Thị Anh T1 sinh ngày 20/5/2012 cho bà H1 tiếp tục nuôi dưỡng. Con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ Q sinh ngày 02/5/20003 đã trưởng thành bà H1, ông H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Ghi nhận bà H1 không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con T1 mỗi tháng là 2.440.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà H1 khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án: Ông H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012155 ngày 16/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông H còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết

